

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày 22/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hoàng Nghiệp;

Ông Đặng Tân Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Nguyễn Thiết Bánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2020, đối với:

Bị cáo **Mã Phi L**, sinh năm 1992 tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mã Phi K và bà Lê Thị C; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người nhỏ nhất.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trần Văn T, sinh năm 1987; Cư trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Ông Đỗ Thanh S, sinh năm 1986; Cư trú: Khóm 5, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ là người làm công tại xưởng gỗ mỹ nghệ của anh Trần Văn T (ngụ ấp B, xã N, huyện A), nên khoảng 12 giờ ngày 15/4/2019, Mã Phi L hỏi mượn xe mô tô

biển số 67G1-533.59 của anh T để đi công việc, được anh T đồng ý. Sau khi đi công việc, do không có tiền tiêu xài nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh T. Để thực hiện, L điều khiển xe 67G1-533.59 đến thành phố C bán cho anh Đỗ Thanh S với giá 11.300.000 đồng rồi bỏ trốn.

Sáng 16/4/2019, anh T phát hiện việc L đã mang xe 67G1-533.59 bán lại cho người khác nên đến Công an trình báo sự việc.

Đến ngày 20/02/2020, Mã Phi L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A bắt truy nã tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 20/KL.TSĐGTTTHS ngày 17/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định: 01 (một) xe mô tô Honda Wave, màu đen bạc, biển số 67G1-533.59, số khung 3905HY746690, số máy JA39E0726840. Giá trị là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ.

Bản Cáo trạng số 12/CT-VKS-AP ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị can Mã Phi L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội:

Giữ nguyên quyết định truy tố, sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

Đối với anh Đỗ Thanh S có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 11.300.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Sang nên đề nghị công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và anh S về trách nhiệm bồi thường.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện làm thuê nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị hại anh Trần Văn T xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và không có yêu cầu bồi thường thêm.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

Căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng những người nêu trên.

[3] Về tội danh và mức hình phạt: Tại phiên tòa, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng trong vụ án; Kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác thu giữ trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Mã Phi L đã lợi dụng sự tin tưởng của anh T và bằng thủ đoạn mượn xe mô tô biển kiểm soát 67G1-53359 rồi nảy sinh ý định chiếm đoạt bán để lấy tiền tiêu xài, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương cho đến khi bị bắt theo lệnh truy nã.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 16.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Mã Phi L về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm phạm đến tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo không những vi phạm pháp luật hình sự mà còn gây dư luận ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn nơi tội phạm xảy ra, làm cho người dân hoang mang lo sợ, không an tâm lao động sản xuất. Sau khi bị cáo chiếm đoạt xe, bị cáo đã bỏ trốn cho đến khi bị bắt theo quyết định truy nã, gây khó khăn, cản trở trong quá trình điều tra, xử lý vụ việc.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị lấy trộm đã thu hồi trả lại cho bị hại và có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại; bị cáo là lao động nghèo, làm thuê, trình độ học vấn thấp, là đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Chăm) nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, có xem xét các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhằm để bị cáo có cơ hội cải tạo tốt, sớm về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng, làm người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Thống nhất với quan điểm kiểm sát viên là bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, làm thuê nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với anh Đỗ Thanh S tuy có giao dịch nhưng không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Anh Đỗ Thanh S yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 11.300.000 đồng, bị cáo đồng ý nên chấp nhận. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh S số tiền đã chiếm đoạt là có căn cứ chấp nhận.

[6] Vật chứng vụ án đã được xử lý ở giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Căn cứ các Điều 106, Điều 136, Điều 260, Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mã Phi L phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Mã Phi L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2020.

Buộc bị cáo Mã Phi L có trách nhiệm bồi thường cho ông Đỗ Thanh S số tiền 11.300.000đ (Mười một triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Bị cáo Mã Phi L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 565.000đ (Năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2020), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang (01);
- VKSND huyện A (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi